



CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DIC  
**DIC-INTRACO**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

[www.dic-intraco.vn](http://www.dic-intraco.vn)





# MỤC LỤC



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

### PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

|  |    |
|--|----|
| 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT.....                                    | 5  |
| 2. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT .....                   | 6  |
| 3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....                     | 9  |
| 4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH .....     | 10 |
| 5. CÁC SẢN PHẨM CHÍNH .....                                    | 11 |
| 6. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ..... | 15 |
| 7. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....                                 | 16 |
| 8. CÁC RỦI RO.....   | 19 |

### PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

|  |    |
|--|----|
| 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH .....                     | 25 |
| 2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN .....             | 27 |
| 3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....   | 29 |
| 4. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....                                 | 30 |
| 5. TÌNH HÌNH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU...34 |    |

### PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

|  |    |
|--|----|
| 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2024 ..... | 38 |
| 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....                                 | 44 |
| 3. CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ .....     | 46 |
| 4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN .....                                 | 46 |

### PHẦN 4: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



|  |    |
|--|----|
| 1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..... | 51 |
| 2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....             | 51 |
| 3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....                   | 52 |

## PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

|  |    |
|--|----|
| 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....  | 54 |
| 2. BAN KIỂM SOÁT .....   | 57 |
| 3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT ..... | 61 |

## PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Đăng tải chi tiết tại website: [www.dic-intraco.vn](http://www.dic-intraco.vn))



## THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kính thưa Quý vị Cổ đông!**

Năm 2024, căng thẳng chính trị kéo dài, xu hướng đảo ngược toàn cầu hóa, cùng các sự kiện kinh tế - chính trị lớn đã tạo nên một bức tranh kinh tế thế giới phức tạp và phân hóa. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo quyết liệt của Đảng, Chính phủ và các bộ ban ngành, nền kinh tế nước ta tiếp tục khẳng định sức mạnh nội tại với đà phục hồi bền bỉ và tiềm năng tăng trưởng ấn tượng, thể hiện qua việc đạt được 15/15 chỉ tiêu do Quốc hội đề ra, với tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng 7,09%. Sự ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát tốt lạm phát và đà tăng trưởng tích cực trong sản xuất kinh doanh đã tạo nên một môi trường đầu tư hấp dẫn, là tiền đề vững chắc cho sự phát triển của các thành phần kinh tế nói chung và ngành nghề xuất nhập khẩu nói riêng.

Với bề dày hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu cho đến nay, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC đã trở thành một thương hiệu uy tín đối với bạn hàng trong nước và quốc tế. Đây cũng chính là cơ sở, là nền tảng và cơ hội đưa DIC đến gần hơn với các dự án lớn, các gói thầu cấp Quốc tế.

Năm 2025, dự báo kinh tế thế giới và Việt Nam còn nhiều ẩn số, Công ty DIC sẽ tiếp tục quản trị sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường. Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV CTCP Đầu tư và Thương mại DIC, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc vì sự tin tưởng, ủng hộ của Quý cổ đông, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác trong suốt thời gian qua đồng thời cảm ơn chân thành đến tập thể DIC-Intraco đã kề vai sát cánh cùng Công ty trên bước đường đầy chông gai và thử thách. Hy vọng rằng, Quý cổ đông cũng như tập thể DIC-Intraco sẽ dành sự tin nhiệm cao nhất và tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi trên những bước đường sắp tới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn!





**PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG****1. Thông tin khái quát**

|   |   |
|---|---|
| <b>TÊN TIẾNG VIỆT</b>                         | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI<br/>DIC</b>   |
| Tên Tiếng Anh                                 | DIC Investment and Trading Joint Stock Company  |
| Tên giao dịch                                 | <b>DIC – INTRACO</b>  |
| Giấy chứng nhận<br>đăng ký doanh<br>nghiệp số | 0302979487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM<br>cấp ngày 14/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 21<br>ngày 17/08/2020     |
| Vốn điều lệ                                   | 265.858.400.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu<br>mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi tám triệu,<br>bốn trăm nghìn đồng). |
| Địa chỉ trụ sở<br>chính                       | 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận,<br>TP.HCM  |
| Điện thoại                                    | (028) 3931 0504 – 3931 6579 – 3931 1966   |
| Số Fax  | (028) 3843 9279   |
| Website                                       | <a href="http://www.dic-intraco.vn">www.dic-intraco.vn</a>  |
| Mã cổ phiếu                                   | DIC   |



## 2. Các Công ty con và Công ty liên kết

| STT | Tên công ty | Vốn điều lệ<br>(tỷ đồng) | % góp vốn<br>của<br>DIC | Lĩnh vực và quy mô | Thông tin liên hệ |
|-----|-------------|--------------------------|-------------------------|--------------------|-------------------|
|-----|-------------|--------------------------|-------------------------|--------------------|-------------------|

**Công ty con hợp nhất**

|    |   |    |      |  |  |
|----|---|----|------|--|--|
| 1. | Công ty CP<br>Thương mại<br>Vận tải Minh<br>Phong | 20 | 51%  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Kinh doanh xuất khẩu clinker, thạch cao.</li> <li>Công suất: 16 chuyến / năm (10,800 tấn/chuyến)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Địa chỉ: 135 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP.HCM</li> <li>Điện thoại: 08.3 512 5942</li> <li>Fax: 08. 3512 5946</li> </ul>    |
| 2. | Công ty CP<br>Công nghệ cao<br>DIC                |    | 60%  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sản xuất máy chuyên dụng khác</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Địa chỉ: 13Bis Kỳ Đồng, Phường 09, Quận 3, TP.HCM</li> </ul>  |
| 3. | Công ty CP<br>DIC Energy                          | 10 | 65 % | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đầu tư xây dựng, sản xuất và thương mại viên gỗ nén, tro nén từ gỗ cao su – mùn cưa.</li> </ul>             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Địa chỉ: 13Bis Kỳ Đồng, Phường 09, Quận 3, TP.HCM</li> <li>Điện thoại: 08.3 9310 504</li> <li>Fax: 08. 39316 579</li> </ul> |

**Công ty liên doanh, liên kết**

|    |   |      |     |   |  |
|----|---|------|-----|---|--|
| 4. | Công ty CP<br>Thương mại<br>Thép Minh Tân | 17,5 | 40% | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</li> <li>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</li> <li>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</li> <li>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</li> <li>Sản xuất, gia công hàng hóa từ sắt, thép</li> <li>Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>410 Quốc lộ 1A, KP3, P Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TPHCM</li> </ul> |
| 5. | Công ty CP Xi<br>Măng YẾN Mao             |      | 24% | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Khu 10, Xã Yến Mao, Huyện Thanh Thủy, Phú Thọ</li> </ul>              |



**Các đơn vị trực thuộc**

|    |   |  |      |   |  |
|----|---|--|------|---|--|
| 6. | CN CTCP Đầu tư và Thương mại DIC tại Quận 9     |  |      | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kinh doanh Ngói màu</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• 952 Nguyễn Xiển, P. Long Bình, Quận 9, TP. HCM</li> </ul>   |
| 7. | CN CTCP Đầu tư và Thương mại DIC tại Bình Phước |  |      | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sản xuất xi măng</li> </ul>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cụm A2, Lô 8, khu công nghiệp Chơn Thành, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.</li> </ul> |
| 8. | CN CTCP Đầu tư và Thương mại DIC tại Phú Thọ    |  | 100% | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sản xuất Clinker</li> </ul>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khu Chung cư Xi măng Hữu Nghị - Khu 3, Phường Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.</li> </ul>   |

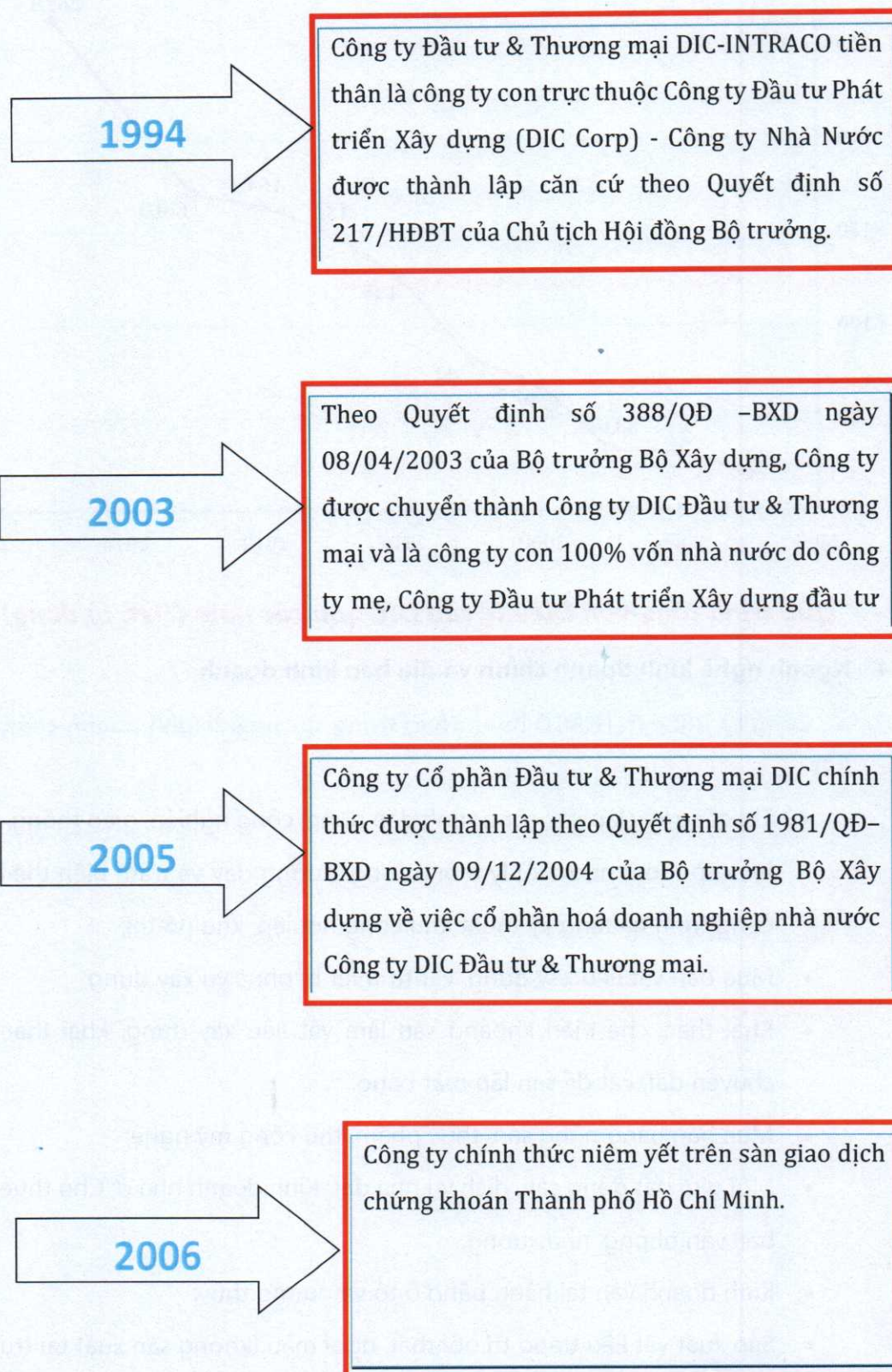


Một số hình ảnh về DIC – Intraco:

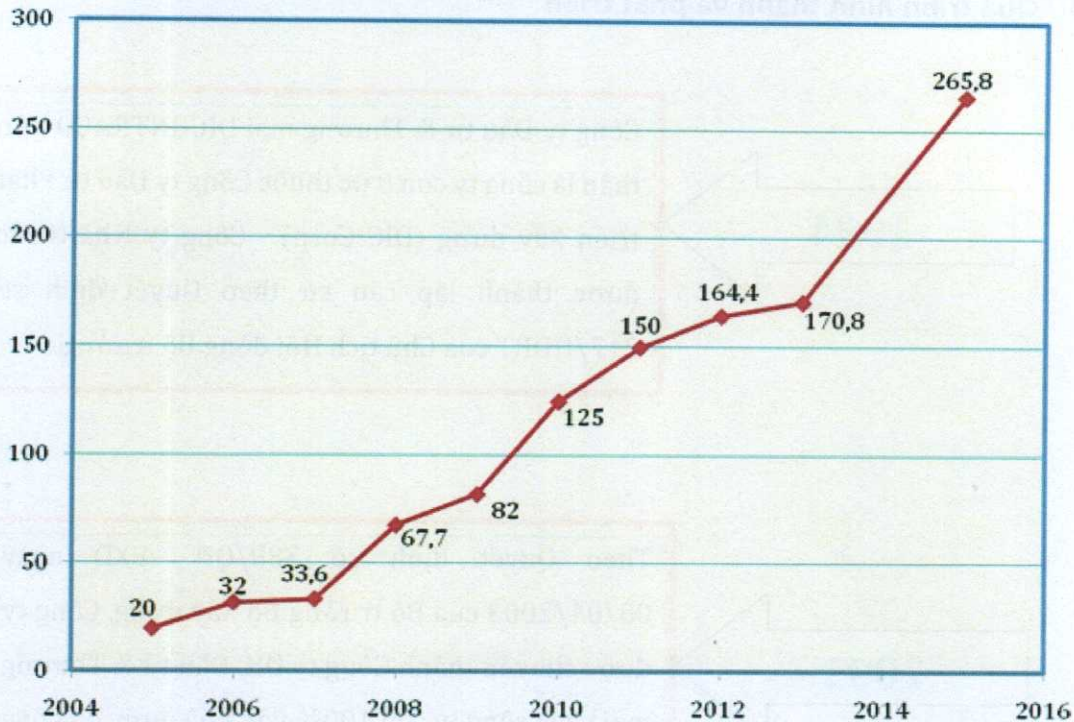




### 3. Quá trình hình thành và phát triển







**Quá trình tăng vốn Điều lệ của DIC qua các năm (Đvt: tỷ đồng)**

**4. Ngành nghề kinh doanh chính và địa bàn kinh doanh**

**a. Công ty DIC – INTRACO hoạt động trong các ngành kinh doanh chính sau đây**

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường, đường dây và trạm biến thế điện, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ xây dựng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khai thác vận chuyển đất, cát để san lấp mặt bằng;
- Mua bán hàng nông sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất; Kinh doanh nhà ở; Cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và đường thủy;
- Sản xuất vật liệu trang trí nội thất, ngói màu (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, chế biến gỗ sản phẩm gỗ (không chế biến gỗ tại trụ sở);



- Mua bán gỗ rừng trồng hoặc nhập khẩu;
- Gia công cơ khí, sản phẩm cơ khí (không gia công tại trụ sở);
- Mua bán, thi công và lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ;
- Đầu tư phát triển khu công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Sản xuất vôi, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (không hoạt động tại trụ sở).

**b. Địa bàn hoạt động**

- Thương mại xuất khẩu sang các nước khu vực Châu Á và trong nước.



## 5. Sản phẩm chính

### THAN ĐÁ

Công ty DIC – INTRACO đã có kinh nghiệm hoạt động thương mại trên thị trường. Với kinh nghiệm cung cấp than nội địa lâu năm cho một số nhà máy xi măng và nhà máy nhiệt điện, độ uy tín của Công ty ngày càng được khẳng định ở trong và ngoài nước, tạo thuận lợi cho việc mở rộng hợp tác kinh doanh trên thị trường trong nước và quốc tế.

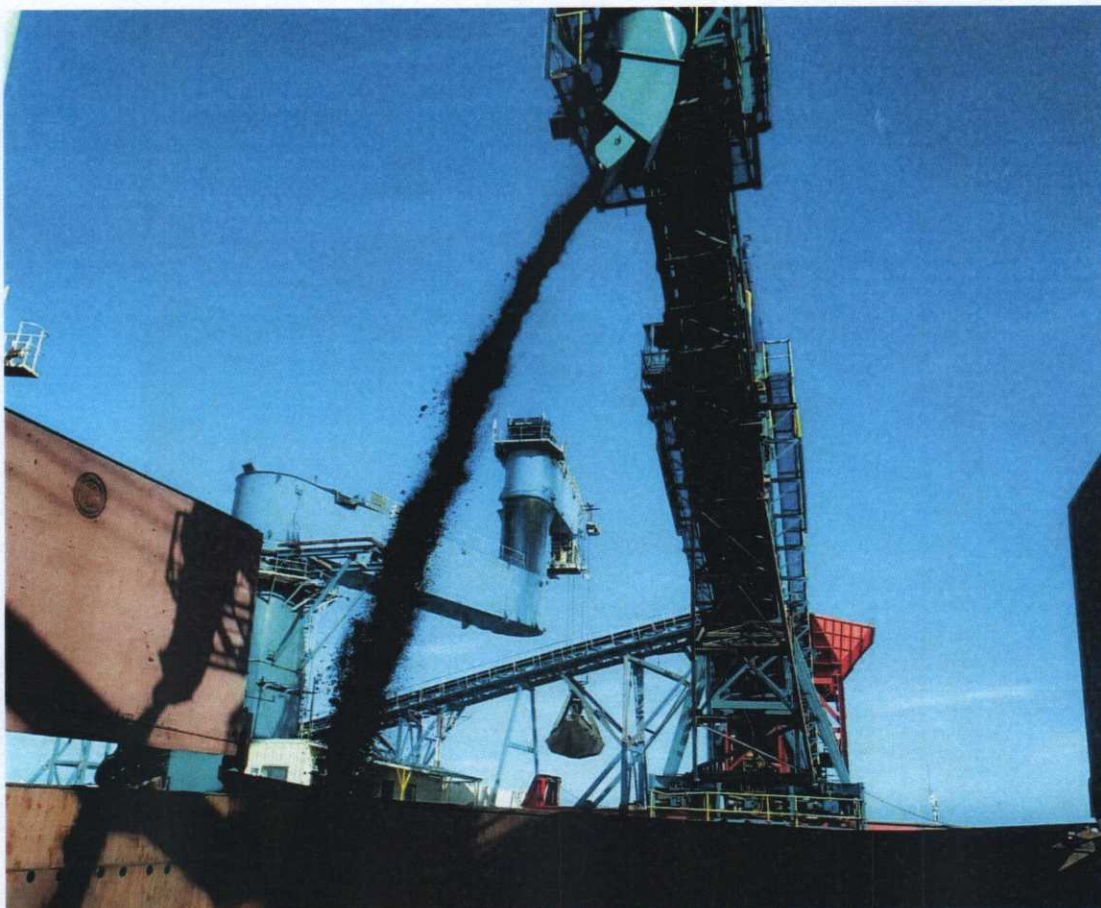
Nhu cầu sử dụng than gia tăng của nền kinh tế nói chung và cho sản xuất điện nói riêng là cần thiết trên mọi phương diện: nhu cầu điện, mức sử dụng than, vai trò của than trong đảm bảo an ninh năng lượng,... là phù hợp với xu thế phát triển nhu cầu sử dụng than trên thế giới.







(Tàu STAR GLORY vận chuyển 55.000 tấn than từ Indonesia về Việt Nam, giao cho Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3)



(Thiết bị chuyên dụng tiến hành rót than lên tàu tại cảng xếp Muara Berau, Indonesia)









## 6. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

**a. Mô hình quản trị:** Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.

### b. Cơ cấu bộ máy quản lý





## 7. Định hướng phát triển

### a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

#### TẦM NHÌN

- TẠO DỰNG THƯƠNG HIỆU VÀ ĐƯỢC XÃ HỘI CÔNG NHẬN

#### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- CẦN CÙ, SÁNG TẠO, CHUẨN MỰC, UY TÍN VÀ TẬN TÂM

#### SỨ MỆNH

- DIC - INTRACO XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐỂ CHIA SẺ VÀ GẮN BÓ

### **TRIẾT LÝ KINH DOANH**

- Uy tín và đạo đức kinh doanh là yếu tố tiên quyết cho sự phát triển bền vững của Công ty. Luôn theo đuổi và thực hiện tốt nhất tất cả những cam kết với khách hàng. Cam kết về chất lượng và uy tín trên từng sản phẩm, dịch vụ.
- Chuyên nghiệp cao trong quản lý điều hành Công ty, đảm bảo sử dụng hiệu quả và minh bạch trên từng đồng vốn của cổ đông.
- Thành công của khách hàng, đối tác, cổ đông là thước đo thành công của Công ty.





**b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

|  |   |
|--|---|
| <b>Ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại chủ yếu</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tập trung đầu tư vào công tác kinh doanh mặt hàng Than đá, đảm bảo nguồn Than đá ổn định – chất lượng.</li><li>- Tập trung phát triển các mặt hàng thương mại truyền thống. Mở rộng thị phần ở phân khúc thị trường khách hàng lớn, các nhà máy uy tín, các công ty xây dựng, đại lý phân phối</li><li>- Tìm kiếm, khai thác thị trường mới và mặt hàng mới</li></ul> |
| <b>Đẩy mạnh cơ cấu các hoạt động đầu tư</b>                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Chú trọng cơ cấu đầu tư các dự án chưa hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành các dự án hiện tại.</li><li>- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới vào các ngành, lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng có hiệu quả cao và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty.</li></ul>  |

**c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

|  |  |
|--|--|
| <b>Các mục tiêu đối với môi trường</b> | <p>Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động/sản phẩm hoặc dịch vụ của DIC - INTRACO không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.</p> <p>Để đạt được điều này, DIC - INTRACO cam kết thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty; Tăng cường kiểm soát, quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp:<ul style="list-style-type: none"><li>✓ Tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt;</li><li>✓ Xử lý rác và nước thải;</li></ul></li></ul> |
|--|--|



|   |   |
|---|---|
|   | <p>✓ Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình sản xuất.</li><li>• Nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường.</li></ul> <p>Chính sách này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBCNV Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.</p>  |
| <b>Các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng</b> | <p>Mục tiêu đạt được sự phát triển bền vững để đảm bảo lợi ích cho Công ty và xã hội luôn được Ban lãnh đạo DIC – INTRACO quan tâm và thực hiện. Sản phẩm ngói màu cao cấp Nhật Bản, Xi măng PCB mới của Công ty với nhiều cải tiến thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu xây dựng các “công trình xanh” của các đơn vị thi công, qua đó Công ty đã vinh dự nhận được Giải thưởng VIETTOPRE do Bộ Xây dựng tổ chức, Giải thưởng dành cho các doanh nghiệp vì cộng đồng và phát triển bền vững là cột mốc đánh dấu những nỗ lực của DIC trong việc cân bằng các mục tiêu kinh doanh và trách nhiệm đối với xã hội.</p> <p>Ngoài ra, như một phần thực hiện đóng góp và trách nhiệm với xã hội, với tinh thần tương thân tương ái, Ban lãnh đạo Công ty luôn khuyến khích và kêu gọi tập thể cán bộ công nhân viên cùng nhau tổ chức và tham gia các chương trình từ thiện vì người nghèo.</p> |



## 8. Quản trị rủi ro và các loại rủi ro

### 8.1 Quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT có nhiệm vụ xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- Quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Công ty, là một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán;
- Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty, vận hành song song, phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty;
- Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của công ty và bối cảnh thị trường.

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



## 8.2 Các loại rủi ro

### Rủi ro kinh tế:

Năm 2024, Với sự gia tăng xung đột vũ trang, đặc biệt tại Trung Đông, Nga và Ukraine, nơi tập trung các tuyến vận tải dầu mỏ quan trọng, tiếp tục tạo ra những cú sốc lớn đối với thị trường năng lượng và chuỗi cung ứng toàn cầu, làm gia tăng rủi ro gián đoạn nguồn cung, đẩy giá năng lượng lên cao làm ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất và lạm phát trên toàn cầu. Đồng thời, sự phân mảnh địa chính trị ngày càng rõ nét, với các quốc gia tăng cường biện pháp bảo hộ thương mại, hạn chế đầu tư nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế trong bối cảnh căng thẳng leo thang. Kết quả là kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi chậm với tăng trưởng toàn cầu ước đạt 3,2%, lạm phát cơ bản vẫn còn cao tại mức 4,2%.

Đối với các doanh nghiệp có các giao dịch mua, bán hàng hóa theo hợp đồng cố định giá trong một thời gian dài, rủi ro biến động giá cả hàng hóa có thể sẽ là một rủi ro lớn. Đặc biệt trong trường hợp nền kinh tế có tỷ lệ lạm phát cao, giá cả hàng hóa thay đổi hàng ngày. Đối với đa số doanh nghiệp sản xuất, sản phẩm đầu ra thường được ký hợp đồng theo đơn hàng trước khi sản xuất, khi giá cả biến động, nguyên vật liệu đầu vào tăng, nhưng giá bán sản phẩm đã cố định từ trước, nguy cơ thua lỗ là rất lớn.

Trong bối cảnh kinh tế xã hội liên tục chuyển biến và thay đổi, các yếu tố rủi ro luôn tồn đọng và có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Điều này ảnh hưởng lớn đến việc giá cả nguyên vật liệu tăng cao bắt đầu chuyển hóa rõ nét hơn vào chi phí sản xuất, cước tàu hàng tăng cao,... Công ty phải áp dụng các biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm giảm thiểu thiệt hại do tác nhân này gây ra.

### Rủi ro tỷ giá:

Rủi ro tỷ giá là sự thay đổi tỷ giá ngoại tệ mà doanh nghiệp không thể dự báo trước. Trong trường hợp các giao dịch của doanh nghiệp thực hiện trên cơ sở tỷ giá ngoại tệ mà hàng hóa đã được định giá trước, khi tỷ giá có sự biến động có thể tạo ra



rủi ro dẫn đến thua lỗ. Tùy theo quy mô sử dụng ngoại tệ, doanh nghiệp có thể chịu số lỗ do rủi ro về tỷ giá nhiều hay ít.

Rủi ro tỷ giá sẽ phát sinh đối với những doanh nghiệp có khoản vay liên quan đến ngoại tệ. Khoản chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay nội tệ của Doanh nghiệp trong năm bao gồm khoản chênh lệch thanh toán cho phần ngoại tệ thực hiện trả nợ trong năm (khoản chênh lệch tỷ giá thực hiện) và khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư nợ khoản vay còn lại (chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện).

Với việc hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu, rủi ro tỷ giá là một vấn đề rất quan trọng đối với Công ty. Với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do đó biến động tỷ giá sẽ có những ảnh hưởng rất tiêu cực đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn đặt mục tiêu ưu tiên tự quản lý rủi ro tỷ giá cho chính mình bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh toán.

Năm 2024, VND tiếp tục chịu áp lực mất giá do chênh lệch lãi suất với USD, các động thái chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tỷ giá. Mặc dù Fed đã quyết định hạ lãi suất 3 lần từ 5% xuống 4,5% nhằm nới lỏng chính sách tiền tệ trong năm, nhưng tốc độ giảm lãi suất có xu hướng chậm lại do lạm phát vẫn còn neo ở mức cao. Kết quả là chỉ số US Dollar Index (DXY) tăng mạnh, tăng từ 102 điểm đầu năm lên 108,49 điểm vào ngày 31/12/2024, tương ứng mức tăng 6,36% và đạt mức cao nhất trong hai năm qua, gây áp lực đáng kể lên tỷ giá tại nhiều quốc gia, bao gồm Việt Nam. Thực tế, tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 31/12/2024 đạt mức 24.335 VND/USD, tăng 1,97% so với đầu năm và là mức cao nhất kể từ khi áp dụng cơ chế tỷ giá trung tâm vào năm 2016. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá chốt phiên ngày 31/12/2024 đạt 25.485 VND/USD, tăng 4,31% so với đầu năm.

#### **Rủi ro về giá:**

Rủi ro về giá cổ phiếu: Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về



giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản: Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch. Rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

#### **Rủi ro luật pháp:**

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, vì vậy hoạt động của DIC - Intraco chịu sự ảnh hưởng đồng thời bởi nhiều bộ Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế Xuất khẩu,... Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến những thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty để đảm bảo quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được liên tục và không bị gián đoạn.



**Rủi ro về lãi suất:**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Lạm phát đang là thách thức vĩ mô lớn nhất và nguy cơ dai dẳng trong một vài năm tới. Điều này khiến hầu hết các ngân hàng trung ương trên thế giới đều lựa chọn thắt chặt chính sách tiền tệ để kiềm chế lạm phát. Tỷ giá là một công cụ để kiềm chế lạm phát. Vì vậy, Ngân hàng Nhà nước sẽ sử dụng công cụ này để điều tiết nhằm ổn định các chỉ số vĩ mô của nền kinh tế. Việc sử dụng các khoản vay, công cụ tài chính, sản phẩm phái sinh có lãi suất, đặt ra những thách thức cho Công ty về quản trị rủi ro lãi suất, đặc biệt là trong bối cảnh lạm phát tăng cao, nền kinh tế chịu tác động bởi những ảnh hưởng của việc thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt.

Theo thống kê từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN), trong 6 tháng đầu, cả lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi đều giảm, với lãi suất cho vay bình quân giảm xuống còn 8,3%/năm (giảm 0,96% so với cuối năm 2023) và lãi suất tiền gửi bình quân giảm còn 3,59%/năm (giảm 1,08%). Tuy nhiên, khi bước vào thời điểm cuối năm, lãi suất các kỳ hạn đã tăng lại do nhu cầu vốn cao hơn trong giai đoạn cuối năm. Tổng kết năm 2024, mặt bằng lãi suất huy động tăng 0,71%, tuy nhiên, lãi suất cho vay vẫn giảm 0,59% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, lãi suất cao đang khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn, buộc họ phải tạm hoãn hoặc hủy bỏ các dự án đầu tư và tăng áp lực lên dòng tiền.

Khi lập kế hoạch kinh doanh, tuy lãi suất tiền vay đã được dự tính, song có rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay. Nguồn vốn kinh doanh của DIC - INTRACO phụ thuộc vào vốn vay từ các ngân hàng thương mại, hoạt động kinh doanh chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác nên việc biến động lãi suất sẽ gây những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, việc biến động của lãi suất là yếu tố mà DIC - INTRACO luôn quan tâm và theo dõi. Trong bối cảnh các rủi ro kinh tế khó lường, Bộ phận Tài chính – Kế toán của Công ty luôn chủ động cập nhật và trao đổi tham mưu



với Ban điều hành để điều chỉnh các kế hoạch vay và trả nợ cụ thể, cân đối dòng tiền cho từng giai đoạn, phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro tín dụng:**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Đối với khoản phải thu khách hàng, việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản:**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.



**Rủi ro khác:**

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh...đều có thể ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như của Công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra có thể làm chậm tiến độ kinh doanh hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc hoàn toàn) đến Công ty. Tuy nhiên, Công ty cũng đã mua bảo hiểm nhà xưởng, hàng tồn kho, hàng thành phẩm, hàng vận chuyển đường biển, để giảm thiểu các rủi ro này.



**PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu             | TH 2024   |           | TH 2023   |           | % TH2024/TH2023 |          |
|-----|----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------------|----------|
|     |                      | Cty mẹ    | Hợp nhất  | Cty mẹ    | Hợp nhất  | Cty mẹ          | Hợp nhất |
| 1   | Tổng giá trị tài sản | 1.135.878 | 1.127.453 | 1.236.166 | 1.228.985 | 91,9%           | 91,7%    |
| 2   | Doanh thu thuần      | 90.495    | 92.248    | 1.081.848 | 1.083.381 | 8,4%            | 8,5%     |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | -6.862    | -7.873    | 1.261     | 223       | -544,2%         | -3530,5% |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | -6.862    | -7.873    | 1.261     | 223       | -544,2%         | -3530,5% |

(Chỉ tiêu tổng tài sản, doanh thu, lợi nhuận công ty mẹ và hợp nhất năm 2024 so với năm 2023)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu             | KH 2024   |           | TH 2024 |          | % TH2024/KH2024 |          |
|-----|----------------------|-----------|-----------|---------|----------|-----------------|----------|
|     |                      | Cty mẹ    | Hợp nhất  | Cty mẹ  | Hợp nhất | Cty mẹ          | Hợp nhất |
| 1   | Doanh thu thuần      | 1.244.125 | 1.245.888 | 90.495  | 92.248   | 7,3%            | 7,4%     |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 1.450     | 256       | -6.862  | -7.873   | -473,2%         | -3070%   |

(Chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận công ty mẹ, hợp nhất đã thực hiện so với kế hoạch)

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Tình hình kinh tế – xã hội năm 2024 của nước ta duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, an sinh xã hội được duy trì là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Mặc dù cầu tiêu dùng trong nước tăng trưởng tích cực, chi tiêu của người dân đã hồi phục so với năm 2023 nhưng chưa đạt được kỳ vọng so với thời kỳ trước dịch Covid-19.

Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh đã vượt mốc 100 nghìn doanh nghiệp, cho thấy những khó khăn của doanh nghiệp vẫn còn hiện hữu. Số doanh



ng nghiệp rút lui khỏi thị trường năm 2024 là 197,9 nghìn doanh nghiệp, trong đó, chủ yếu là các doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trong ngắn hạn với hơn 100 nghìn doanh nghiệp, chiếm hơn 50% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Bên cạnh đó, sức mua và nhu cầu trong nước phục hồi chậm cũng khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn cho đầu ra của sản phẩm.

Trước những tác động lớn của bối cảnh kinh tế Thế giới nói riêng và Việt Nam nói chung, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi thị trường để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp. Kết thúc niên độ 2024, Công ty chưa đạt được mục tiêu đề ra năm 2024 khi doanh thu thuần hợp nhất là 92,2 tỷ đồng đạt 7,4% so với kế hoạch đề ra, bằng 8,5% so với thực hiện năm 2023. Doanh thu thuần của Công ty mẹ 90,5 tỷ đồng đạt 7,3% so với kế hoạch đề ra, bằng 8,4% so với thực hiện cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận của Công ty mẹ lỗ 6,8 tỷ đồng. Lợi nhuận hợp nhất lỗ 7,8 tỷ đồng. Tổng giá trị tài sản là 1,127 tỷ đồng, đạt 91,7% so với cùng kỳ năm 2023.

## 2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### 📌 Đầu tư góp vốn Công ty CP Xi Măng YẾN Mao 32,7 tỷ đồng

Dự án nhà máy xi măng Yến Mao là khoản đầu tư phát sinh từ Hợp đồng 133/HĐKT ngày 11 tháng 8 năm 2007 v/v hợp tác liên doanh Dự án đầu tư NMXM Hữu Nghị 2 tại xã Yến Mao, huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ, với công suất 1,200 tấn/ngày. Hiện công ty và đối tác là công ty CP Xi măng Hữu Nghị đang trong quá trình đàm phán liên quan đến công nợ, lãi chậm trả và xử lý khoản đầu tư này.

### 📌 Đầu tư nhà máy xi măng Hữu Nghị Tỉnh Phú Thọ

Năm 2014, đơn vị đầu tư mua lại nhà máy sản xuất Clinker với công suất 1,200 tấn/ngày tương đương 400,000 tấn/năm, trị giá 165 tỷ đồng tại KCN Thụy Vân, Tỉnh Phú Thọ của Công ty CP Xi măng Hữu Nghị trước đây nợ xấu thế chấp tại ngân hàng BIDV – CN Phú Thọ. Từ lúc tiếp quản nhận nợ BIDV CN.HCM ngày 03/06/2014 đến 30/09/2019 Công ty DIC đã trả 68 tỷ đồng nợ gốc và 35,4 tỷ đồng



lãi vay. Với mục đích chủ động nguồn Clinker xuất khẩu và kinh doanh nội địa, cùng phương án tài chính dự án hiệu quả, sản lượng hòa vốn 25,000 tấn/tháng trên công suất thiết kế 35,000 tấn/tháng, giá bán tại nhà máy là 780,000 đồng/tấn; nhưng khi đi vào vận hành thực tế với quá nhiều khó khăn như: giá clinker đầu ra giảm còn 600,000 đồng/tấn vào tháng 08/2015, chi phí sửa chữa quá lớn so với định mức, khâu vận hành quản lý sản xuất bị tranh chấp Lò 02 DIC chung một đầu cấp liệu Lò 03 của Công ty CP Xi măng Hữu Nghị. Tổng kết kết quả kinh doanh từ tháng 06/2014 đến tháng 09/2019 lỗ lũy kế là 87,048 triệu đồng.

#### **Đầu tư hợp tác Công ty TNHH Phát Triển Công Nghiệp 31 tỷ đồng**

Khoản góp vốn giá trị 31 tỷ đồng với Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp thông qua Hợp đồng góp vốn số 01/2014/HĐGV/DIC-PTCN ngày 09/06/2014 kèm Danh mục tài sản máy móc thiết bị lò quay công suất 1.200 tấn/ngày với mục đích sở hữu Hệ thống Tài sản là máy móc thiết bị lò quay Clinker công suất 1.200 tấn/ngày của Công ty CP Xi măng Hữu Nghị, tài sản này được phát mãi bởi Công ty Cho thuê tài chính II Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 26.05/2014/HĐMBTS ngày 13/06/2014. Đến ngày 19 tháng 06 năm 2017 là thời hạn Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số vốn góp và lãi bao gồm: nợ gốc 31 tỷ đồng, nợ lãi đến 31/12/2016 xấp xỉ 9,8 tỷ đồng. Hai bên đã có Biên bản làm việc ngày 10/01/2020 xác nhận số nợ gốc 31 tỷ đồng, nợ lãi xấp xỉ 17,3 tỷ đồng và thống nhất bán tài sản để thu hồi nợ.

#### **Nhà máy Xi măng DIC Bình Phước**

Năm 2011, Công ty đầu tư nhà máy sản xuất xi măng Bình Phước tại KCN Chơn Thành. Tỉnh Bình Phước, trị giá 48,595 triệu đồng, cung cấp Xi măng thương hiệu DIC cho khu vực Tỉnh Bình Phước và vùng lân cận, thời gian đầu đơn vị hoạt động hiệu quả nhưng do cạnh tranh mạnh từ các thương hiệu xi măng nổi tiếng hơn (Xi măng Fico, Xi măng Hà Tiên...) nên thị trường bị thu hẹp và hiện tại sản xuất gia công cho các thương hiệu khác (Xi măng Fico, Top Xi măng...), lỗ lũy kế đến ngày 30/09/2019 khoảng 26 tỷ đồng.



#### Nhà máy SX viên gỗ nén DIC Energy

Năm 2014 Công ty đầu tư dự án sản xuất viên nén tại KCN Hòa Bình, Tỉnh Kon Tum, công suất 60.000 tấn viên nén/năm, mua từ tài sản nợ xấu của Công ty Hoàng Thái thế chấp tại BIDV Kon Tum trị giá 6,4 tỷ đồng. Dự án sản xuất hiệu quả trong 4 tháng, sau đó do giá đầu ra liên tục suy giảm kết hợp với nguồn nguyên liệu đầu vào cạn kiệt như gỗ, mùn cưa....dẫn đến lỗ lũy kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 khoảng 15 tỷ đồng. Công ty DIC góp vốn vào nhà máy này và chuyển tiền hỗ trợ vốn lưu động đến 31/12/2019 là khoảng 29 tỷ đồng.

#### Công ty CP ĐT PT XD Minh Hưng 302,7 triệu đồng

Là khoản mua cổ phần Công ty thành viên hoạt động lĩnh vực sản xuất VLXD, xây dựng công trình trong hệ thống tập đoàn DIC Group.

#### Công ty Cổ Phần SX Vật Liệu Xây Dựng DIC

Đầu tư vào Công ty Cổ Phần SX Vật Liệu Xây Dựng DIC theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03-2018/NQHĐQT.DIC-INTRACO ngày 11/07/2018. Tổng giá trị phần vốn góp là 2.000.000.000 đồng tương đương với 28,6% vốn điều lệ tại Công ty Cổ Phần SX Vật Liệu Xây Dựng DIC. Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2024 là 420.000.000 đồng.

### 3. Tình hình tài chính

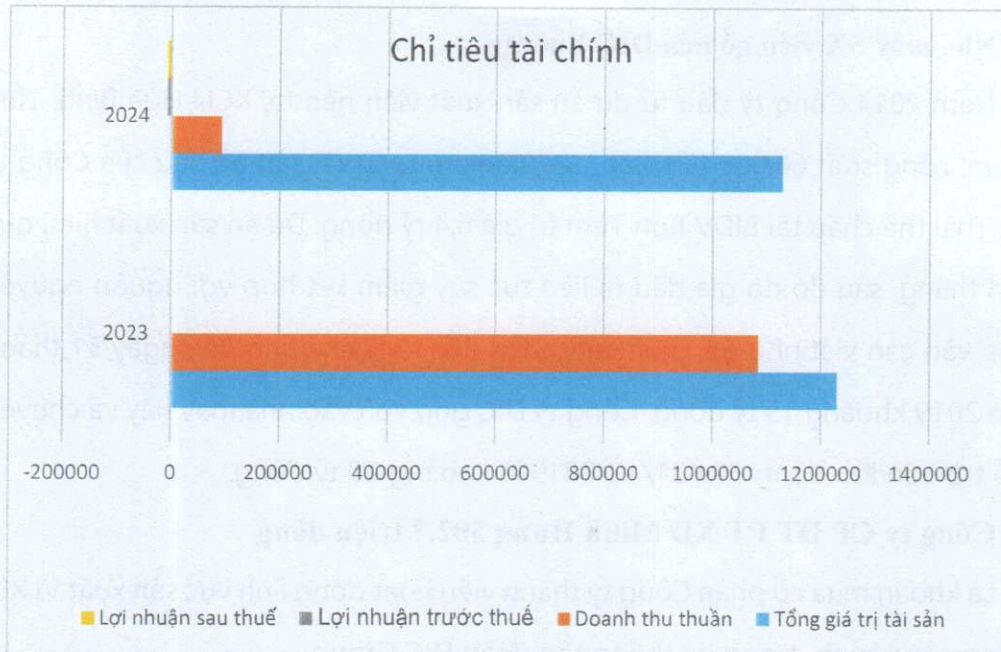
#### a. Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chi tiêu             | Năm 2024  | Năm 2023  | % tăng/giảm |
|-----|----------------------|-----------|-----------|-------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản | 1.127.453 | 1.228.985 | 91,7%       |
| 2   | Doanh thu thuần      | 92.248    | 1.083.381 | 8,5%        |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | -7.873    | 223       | -3.530%     |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | -7.873    | 223       | -3.530%     |

Kết thúc niên độ 2024, tổng giá trị tài sản là 1.127 tỷ đồng, giảm 8,3% so với cùng kỳ năm 2023. Doanh thu thuần 92,2 tỷ đồng, giảm 91,5% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lỗ 7,8 tỷ đồng, lỗ hơn 3.530% so với cùng kỳ năm trước.





## b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu                                   | ĐVT  | 2023   | 2024   |
|--|------|--------|--------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>     |      |        |        |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:               | Lần  | 0,82   | 0,81   |
| + Hệ số thanh toán nhanh:                  | Lần  | 0,69   | 0,67   |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>              |      |        |        |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                    | Lần  | 1,05   | 1,06   |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                  | Lần  | -23,01 | -18,69 |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>      |      |        |        |
| + Vòng quay hàng tồn kho                   | Vòng | 5,87   | -      |
| + Vòng quay các khoản phải thu             | Vòng | 1,21   | 0,10   |
| + Vòng quay các khoản phải trả             | Vòng | 0,80   | -      |
| + Vòng quay tổng tài sản                   | Vòng | 0,88   | 0,08   |
| + Vòng quay tài sản cố định                | Vòng | 12,11  | 1,26   |
| + Vòng quay vốn lưu động                   | Vòng | 1,03   | 1,10   |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>       |      |        |        |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | %    | 0,02%  | -8,53% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | %    | -0,40% | 12,36% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản    | %    | 0,02%  | -0,70% |



|   |   |       |        |
|---|---|-------|--------|
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 0,06% | -10,33 |
|---|---|-------|--------|

Mặc dù kết quả năm 2024 chưa đạt được kế hoạch đề ra, nhưng tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên DIC luôn chung sức, đồng lòng, nỗ lực không ngừng tìm hướng đi cho doanh nghiệp. Luôn xác định nhu cầu sử dụng than cho sản xuất điện là ngành trọng điểm, thiết yếu đóng vai trò quan trọng trong các chỉ tiêu phát triển nền kinh tế đất nước, vai trò của nhiệt điện than trong đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đảm bảo an sinh xã hội,... Trước tình hình đó, Ban Lãnh đạo công ty đã phối hợp với các bên, làm việc với Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải, Nhiệt điện Vĩnh Tân, Nhiệt điện Sông Hậu 1, nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch để tìm kiếm các hợp đồng cung cấp than cho năm 2025.

#### 4. Tình hình tổ chức và nhân sự

##### a. Danh sách và lý lịch thành viên Ban lãnh đạo

###### **Ông Nguyễn Đức Hải**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Đức Hải gia nhập Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp) từ năm 1995. Năm 2003, theo Quyết định của Bộ Xây dựng về việc thành lập Công ty DIC Đầu tư & Thương mại trực thuộc Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng, ông Hải đã trở thành một trong những cán bộ chủ chốt và tiên phong của công ty con. Đến năm 2005, sau khi chuyển đổi mô hình thành Công ty Cổ phần, ông Hải đã được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại DIC (tháng 8 năm 2005). Sau hơn 20 năm tận lực cống hiến, ông Hải đã vinh dự được nhận danh hiệu, huy chương của Bộ và Nhà nước trong đó có bằng khen của Thủ tướng Chính phủ các năm 2007, 2009, 2010; Huân chương Lao động Hạng 3, bằng khen của Bộ Xây Dựng từ năm 2003 đến nay.

*Tỷ lệ sở hữu CP: 4,60%*



**Ông Nguyễn Mạnh Chiến****Phó Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Mạnh Chiến gia nhập Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng từ năm 1997 đến 2002. Khi DIC-INTRACO được thành lập, Ông Nguyễn Mạnh Chiến là một trong những cán bộ tiên phong gây dựng Công ty mới. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, Ông Nguyễn Mạnh Chiến đã được Ban Quản trị tín nhiệm và giao giữ chức vụ Giám đốc nhà máy Sản xuất VLXD từ năm 2005 -2008. Từ năm 2008 đến 2012, Ông Nguyễn Mạnh Chiến giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc DIC Đà Nẵng cũng như quản lý điều hành. Từ năm 2013 – nay, Ông Nguyễn Mạnh Chiến giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.

*Tỷ lệ sở hữu CP: 0%*

**Ông Đinh Tiến Dũng****Ủy viên Hội đồng Quản trị,****Phó Tổng Giám đốc**

Ông Đinh Tiến Dũng gia nhập DIC – INTRACO vào năm 2007, đảm nhiệm qua nhiều vị trí chủ chốt của Công ty trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh kể từ tháng 06 năm 2013. Ông Dũng là người có rất nhiều kinh nghiệm trong mảng kinh doanh Clinker, những cải cách của ông trong năm 2013 đã góp phần làm cho doanh thu mảng này tăng trưởng vượt bậc, giúp DIC - INTRACO từ một doanh nghiệp chuyên nhập khẩu Clinker nay trở thành một đơn vị xuất khẩu có uy tín ở thị trường nước ngoài.

*Tỷ lệ sở hữu CP: 0,39%*



**Ông Vũ Quang****Phó Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Quang gia nhập DIC – INTRACO vào năm 2013, Ông Quang là cử nhân kinh tế và có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải biển, Ông Quang đã giữ nhiều vị trí quản lý chủ chốt của các Công ty thuộc lĩnh vực vận tải biển. Ông đã được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc DIC – INTRACO

*Tỷ lệ sở hữu CP: 0%*

**Ông Nguyễn Anh Kiệt****Phó Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Anh Kiệt gia nhập Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng từ năm 2003. Từ tháng 08/2019, Ông Nguyễn Anh Kiệt được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC. Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán, Ông Nguyễn Anh Kiệt được tin tưởng bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty vào tháng 03/2022.

*Tỷ lệ sở hữu CP: 0,06%*

**Ông Hoàng Văn Thiệm****Phó Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Văn Thiệm gia nhập DIC – INTRACO vào năm 2005. Ông Thiệm là cử nhân kinh tế và có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận Tài chính – Kế toán cũng như Kinh doanh Xuất – Nhập khẩu. Sau khi đảm nhận nhiều vị trí chủ chốt của Công ty, đến tháng 05/2016, Ông Hoàng Văn Thiệm được bổ nhiệm Giám đốc kinh doanh, góp phần làm cho doanh thu Công ty tăng trưởng vượt bậc. Với những thành tích đạt được, vào tháng 03/2022, Ông Hoàng Văn Thiệm đã được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh của Công ty.

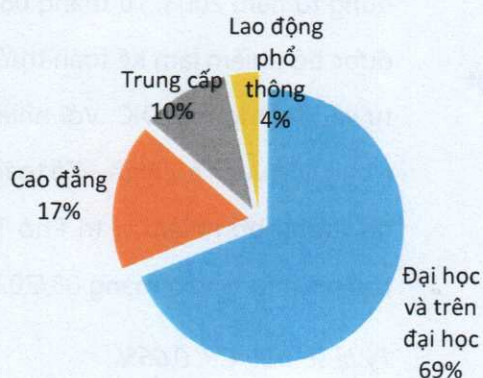
*Tỷ lệ sở hữu CP: 0,00005%*



**b. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

Tổng số Cán bộ – Công nhân viên của toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2024 là 31 người, được phân loại theo trình độ như sau:

| STT              | Tiêu chí                | Số lượng  | Tỉ trọng    |
|------------------|-------------------------|-----------|-------------|
| 1                | Đại học và trên đại học | 20        | 69%         |
| 2                | Cao đẳng                | 5         | 17,2%       |
| 3                | Trung cấp               | 3         | 10,3%       |
| 4                | Lao động phổ thông      | 1         | 3,4%        |
| <b>Tổng Cộng</b> |                         | <b>29</b> | <b>100%</b> |



| Chỉ tiêu           | Đơn vị           | Năm 2023   | Năm 2024   |
|--------------------|------------------|------------|------------|
| Thu nhập bình quân | Đồng/người/tháng | 14.695.622 | 17.031.586 |

**🚧 Chế độ dành cho người lao động**

- Thực hiện đầy đủ các chế độ về BHXH, BHYT theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương theo đúng quy chế tiền lương của Công ty.
- Ngoài việc tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về chế độ dành cho người lao động, bên cạnh đó Ban Tổng Giám đốc cũng rất quan tâm và chăm lo tới đời sống của CB-CNV. Được thể hiện rõ nét nhất là qua chính sách lương, thưởng như: lương tháng 13, thưởng Tết, thưởng các dịp lễ lớn..... Đồng thời tạo điều kiện để Công đoàn phát huy hết chức năng của mình một cách tốt nhất thông qua các hoạt động như: hỗ trợ nhân viên nữ



nhân ngày Quốc tế phụ nữ hàng năm, hỗ trợ thai sản, mừng kết hôn, sinh con hay hỗ trợ CB-CNV khi gia quyến có tang chế.....

#### Chính sách đào tạo


CB-CNV được tạo điều kiện để tham gia các khóa học ngắn hạn cũng như các buổi tập huấn để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

### 5. Tình hình cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### a. Cổ phần

| STT | Loại cổ phần                                  | Số cổ phần        |
|-----|---|-------------------|
| 1.  | <b>Số cổ phần đầu năm</b>                     | <b>26.585.840</b> |
|     | – Cổ phần phổ thông                           | 26.585.840        |
|     | – Cổ phần ưu đãi                              | -                 |
| 2.  | <b>Cổ phần đăng ký phát hành trong năm</b>    | <b>-</b>          |
|     | – Cổ phần phổ thông (phát hành ra công chúng) | -                 |
|     | – Cổ phần ưu đãi                              | -                 |
| 3.  | <b>Cổ phần mua lại</b>                        | <b>-</b>          |
| 4.  | <b>Cổ phần đang lưu hành sau phát hành</b>    | <b>26.084.560</b> |
|     | – Cổ phần phổ thông                           | 26.084.560        |
|     | – Cổ phần ưu đãi                              | -                 |

#### b. Cơ cấu cổ đông

 Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 02/06/2025, cơ cấu cổ đông của DIC như sau:

| STT | Loại cổ đông              | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần (cổ phần) | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ (%)     |
|-----|---------------------------|------------------|----------------------------|------------------------|---------------|
| I   | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>9.050</b>     | <b>25.986.174</b>          | <b>259.861.740.000</b> | <b>97,74%</b> |
|     | - Nhà nước                | -                | -                          | -                      | -             |
|     | - Tổ chức                 | 95               | 3.413                      | 34.130.000             | 0,01%         |
|     | - Cá nhân                 | 8.955            | 25.982.761                 | 259.827.610.000        | 97,73%        |
| II  | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>222</b>       | <b>98.386</b>              | <b>983.860.000</b>     | <b>0,37%</b>  |



|     |              |     |            |                 |       |
|-----|--------------|-----|------------|-----------------|-------|
|     | - Tổ chức    | 30  | 2.837      | 28.370.000      | 0,01% |
|     | - Cá nhân    | 192 | 95.549     | 955.490.000     | 0,36% |
| III | Cổ phiếu quỹ | 1   | 501.280    | 5.012.800.000   | 1,89% |
|     | Tổng cộng    |     | 26.585.840 | 265.858.400.000 | 100%  |

🚩 Danh sách cổ đông tổ chức nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 02/06/2025

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ  | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|------------------|--|------------|-------|
| 1   | Nguyễn Thanh Sơn | An Dương Vương, Phường 08, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh | 1.801.000  | 6,90% |

### c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2024, vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển của Công ty không có sự thay đổi so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lỗ 333,2 tỷ đồng, mức lỗ tăng 2,32% so với cùng kỳ năm trước.

ĐVT: đồng

| STT | Nội dung                          | 31/12/2024       | 31/12/2023       |
|-----|-----------------------------------|------------------|------------------|
| 1   | Vốn góp của chủ sở hữu            | 265.858.400.000  | 265.858.400.000  |
| 2   | Thặng dư vốn cổ phần              | 1.397.230.362    | 1.397.230.362    |
| 3   | Quỹ đầu tư phát triển             | 4.377.229.506    | 4.377.229.506    |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -333.254.906.039 | -325.705.352.434 |

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có



**PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2024**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Tình hình kinh tế – xã hội năm 2024 của nước ta duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, an sinh xã hội được duy trì là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Mặc dù cầu tiêu dùng trong nước tăng trưởng tích cực, chi tiêu của người dân đã hồi phục so với năm 2023 nhưng chưa đạt được kỳ vọng so với thời kỳ trước dịch Covid-19.

Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh đã vượt mốc 100 nghìn doanh nghiệp, cho thấy những khó khăn của doanh nghiệp vẫn còn hiện hữu. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường năm 2024 là 197,9 nghìn doanh nghiệp, trong đó, chủ yếu là các doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trong ngắn hạn với 100,1 nghìn doanh nghiệp, chiếm hơn 50% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Bên cạnh đó, sức mua và nhu cầu trong nước phục hồi chậm cũng khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn cho đầu ra của sản phẩm.

Trước tình hình khó khăn chung, Ban lãnh đạo cũng tập thể cán bộ công nhân viên không ngừng nỗ lực cố gắng trước những khó khăn thách thức đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh, cắt giảm các mặt hàng kinh doanh không còn hiệu quả, áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí, giảm thiểu tác động của thị trường.

**a. Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2024 so với Kế hoạch đề ra năm 2024:

*Đvt: triệu đồng*



| T<br>T | Chỉ tiêu             | KH 2024   |           | TH 2024   |           | %<br>TH2024/KH2024 |          |
|--------|----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|--------------------|----------|
|        |                      | Cty mẹ    | Hợp nhất  | Cty mẹ    | Hợp nhất  | Cty mẹ             | Hợp nhất |
| 1      | Tổng giá trị tài sản | -         | -         | 1.135.878 | 1.127.453 | -                  | -        |
| 2      | Doanh thu thuần      | 1.244.125 | 1.245.888 | 90.495    | 92.248    | 7,3%               | 7,4%     |
| 3      | Giá vốn hàng bán     | -         | -         | -         | -         | -                  | -        |
| 4      | Lợi nhuận từ HĐKD    | -         | -         | -8.507    | -9.529    | -                  | -        |
| 5      | Lợi nhuận khác       | -         | -         | 1.646     | 1.656     | -                  | -        |
| 6      | Lợi nhuận trước thuế | 1.450     | 256       | -6.862    | -7.873    | -473,2%            | -3070%   |
| 7      | Lợi nhuận sau thuế   | -         | -         | -6.862    | -7.873    | -                  | -        |
| 8      | Cổ tức               | -         | -         | -         | -         | -                  | -        |
| 9      | EPS                  | -         | -         | -         | -296      | -                  | -        |

- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2024 so với thực hiện năm 2023:

Đvt: triệu đồng

| T<br>T | Chỉ tiêu             | TH 2024   |           | TH 2023   |           | %<br>TH2024/TH2023 |           |
|--------|----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|--------------------|-----------|
|        |                      | Cty mẹ    | Hợp nhất  | Cty mẹ    | Hợp nhất  | Cty mẹ             | Hợp nhất  |
| 1      | Tổng giá trị tài sản | 1.135.878 | 1.127.453 | 1.236.166 | 1.228.985 | 91,9%              | 91,7%     |
| 2      | Doanh thu thuần      | 90.495    | 92.248    | 1.081.848 | 1.083.381 | 8,4%               | 8,5%      |
| 3      | Giá vốn hàng bán     | -         | -         | 991.566   | 991.566   | -                  | -         |
| 4      | Lợi nhuận từ HĐKD    | -8.507    | -9.529    | 1.651     | 620       | -515,3%            | -1.536,9% |
| 5      | Lợi nhuận khác       | 1.646     | 1.656     | -390      | -396      | -422,1%            | -418,2%   |
| 6      | Lợi nhuận trước thuế | -6.862    | -7.873    | 1.261     | 223       | -544,2%            | -3.530,5% |
| 7      | Lợi nhuận sau thuế   | -6.862    | -7.873    | 1.261     | 223       | -544,2%            | -3.530,5% |
| 8      | Cổ tức               | -         | -         |           |           |                    |           |
| 9      | EPS                  | -         | -296      |           | 8         |                    | -3.700%   |



- Kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng của Công ty năm 2024

Đvt: triệu đồng

| Mặt hàng   | Doanh thu thực hiện năm 2024 | Doanh thu kế hoạch năm 2024 | So sánh doanh thu KH2024/TH2024 |
|------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|
| Dịch vụ    | 92.248                       | 1.245.888                   | 7,4%                            |
| Công ty mẹ | 90.495                       | 1.244.125                   | 7,3%                            |
| Hợp nhất   | 92.248                       | 1.245.888                   | 7,4%                            |

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đvt: triệu đồng

| Chỉ tiêu                          | 2024             | 2023             | So sánh năm 2024/2023 |
|-----------------------------------|------------------|------------------|-----------------------|
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                | <b>1.191.171</b> | <b>1.284.830</b> | <b>-7,29%</b>         |
| Vay ngắn hạn                      | 612.011          | 736.610          | -16,92%               |
| <b>Nợ dài hạn</b>                 | <b>-</b>         | <b>-</b>         | <b>-</b>              |
| Vay và nợ dài hạn                 | -                | -                | -                     |
| <b>Nợ phải trả</b>                | <b>1.191.171</b> | <b>1.284.830</b> | <b>-7,29%</b>         |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>             | <b>-63.718</b>   | <b>-55.845</b>   | <b>14,10%</b>         |
| Vốn đầu tư chủ sở hữu             | 265.858          | 265.858          | 0%                    |
| Các quỹ                           | 4.377            | 4.377            | 0%                    |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -333.255         | -325.705         | 2,32%                 |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>        | <b>1.127.453</b> | <b>1.228.985</b> | <b>-8,26%</b>         |

| Chỉ tiêu                               | 2023    | 2024    | So sánh năm 2024/2023 |
|--|---------|---------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn (công ty mẹ)         | 411.350 | 300.827 | -26,87%               |
| Phải thu ngắn hạn (hợp nhất)           | 410.996 | 300.473 | -26,89%               |
| Phải trả người bán ngắn hạn (hợp nhất) | 115.595 | 98.359  | -14,91%               |



|  |         |         |         |
|--|---------|---------|---------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (hợp nhất)   | 736.610 | 612.011 | -16,92% |
| Phải trả người bán ngắn hạn (công ty mẹ)       | 112.859 | 96.134  | -14,82% |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (công ty mẹ) | 714.926 | 590.327 | -17,43% |

Việc thay đổi phương án kinh doanh và chính sách thu hồi công nợ đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu quan trọng của Công ty như khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho, nợ ngắn hạn.... Để giảm bớt áp lực tài chính đồng thời tránh tình trạng dòng vốn bị ứ đọng và chiếm dụng trong thời gian dài, năm qua công ty đã tích cực thu hồi các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn. Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại Công ty mẹ là 300,8 tỷ đồng, giảm 26,87% so với cùng kỳ năm 2023. Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại Hợp nhất là 300,4 tỷ đồng, giảm 26,89% so với cùng kỳ năm 2023

Công ty cũng đã cố gắng cắt giảm bớt các khoản nợ phải trả nhằm điều chỉnh hệ số đòn cân nợ cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Tuy nhiên, với những khó khăn nội tại, nợ phải trả người bán ngắn hạn Hợp nhất năm 2024 là 98,3 tỷ đồng, giảm 14,91% so với năm 2023; Nợ phải trả người bán ngắn hạn Công ty mẹ là 96,1 tỷ đồng, giảm 14,82 % so với cùng kỳ năm 2023. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn Hợp nhất là 612 tỷ đồng, giảm 16,92% so với năm 2023; Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn Công ty mẹ là 590,3 tỷ đồng, giảm 17,43% so với cùng kỳ năm 2023. Công ty đang cố gắng nỗ lực thu hồi công nợ, giảm nợ vay nhằm cân đối lại nguồn tài chính, xây dựng uy tín đối với khách hàng, nhà cung cấp, tổ chức tín dụng....

Kết thúc niên độ 2023, Doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 là 92,2 tỷ đồng đạt 7,4% so với kế hoạch đề ra, bằng 8,5% so với thực hiện năm 2023. Doanh thu thuần của Công ty mẹ 90,5 tỷ đồng đạt 7,3% so với kế hoạch đề ra, bằng 8,4% so với thực hiện cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận của Công ty mẹ lỗ 6,8 tỷ đồng. Lợi nhuận hợp nhất lỗ 7,8 tỷ đồng. Công ty chưa đạt được mục tiêu đề ra năm 2024. Kết thúc niên độ 2024, tổng giá trị tài sản là 1,127 tỷ đồng, đạt 91,7% so với cùng



kỳ năm 2023. Mặc dù kết quả năm 2024 chưa đạt được kế hoạch đề ra, nhưng tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên DIC luôn chung sức, đồng lòng, nỗ lực không ngừng tìm hướng đi cho doanh nghiệp. Luôn xác định nhu cầu sử dụng than cho sản xuất điện là ngành trọng điểm, thiết yếu đóng vai trò quan trọng trong các chỉ tiêu phát triển nền kinh tế đất nước, vai trò của nhiệt điện than trong đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đảm bảo an sinh xã hội,... Trước tình hình đó, Ban Lãnh đạo công ty đã phối hợp với các bên, làm việc với Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải, Nhiệt điện Vĩnh Tân, Nhiệt điện Sông Hậu 1, nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch để tìm kiếm các hợp đồng cung cấp than cho năm 2025.

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

Đvt: triệu đồng

| Chỉ tiêu            | 2024             | 2023             | % Tăng/Giảm   |
|---------------------|------------------|------------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn    | 968.189          | 1.053.487        | -8,10%        |
| Tài sản dài hạn     | 159.264          | 175.498          | -9,25%        |
| <b>Tổng tài sản</b> | <b>1.127.453</b> | <b>1.228.985</b> | <b>-8,26%</b> |

Tài sản của Công ty chủ yếu hình thành từ tài sản ngắn hạn của Công ty. Khoản mục tổng tài sản của năm 2024 là 1.127 tỷ đồng, giảm 8,26% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2024 là 968 tỷ đồng, giảm 8,10% so với năm 2023. Tài sản ngắn hạn năm 2022 của Công ty chủ yếu là:

- Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng và các khoản phải thu ngắn hạn khác.
- Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác.
- Tiền và các khoản tương đương tiền.



- Hàng tồn kho.
- Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản dài hạn năm 2024 là 159 tỷ đồng, giảm 9,25% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do hao mòn tài sản cố định nên giá trị còn lại của tài sản giảm. Tài sản dài hạn năm 2022 của Công ty chủ yếu là:

- Các khoản phải thu dài hạn bao gồm phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc,...
- Tài sản cố định.
- Tài sản dở dang dài hạn.
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn như đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết,...
- Tài sản dài hạn khác.

#### b. Tình hình nợ phải trả

Đvt: triệu đồng

| Chỉ tiêu                          | 2024             | 2023             | So sánh       |
|-----------------------------------|------------------|------------------|---------------|
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                | <b>1.191.171</b> | <b>1.284.830</b> | <b>-7,29%</b> |
| Vay ngắn hạn                      | 612.011          | 736.610          | -16,92%       |
| <b>Nợ dài hạn</b>                 | <b>-</b>         | <b>-</b>         | <b>-</b>      |
| Vay và nợ dài hạn                 | -                | -                | -             |
| <b>Nợ phải trả</b>                | <b>1.191.171</b> | <b>1.284.830</b> | <b>-7,29%</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>             | <b>-63.718</b>   | <b>-55.845</b>   | <b>14,10%</b> |
| Vốn đầu tư chủ sở hữu             | 265,858          | 265.858          | 0%            |
| Các quỹ                           | 4,377            | 4.377            | 0%            |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -333,255         | -325.705         | 2,32%         |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>        | <b>1.127.453</b> | <b>1.228.985</b> | <b>-8,26%</b> |



Khoản mục nợ phải trả của Công ty năm 2024 là 1.191 tỷ đồng, giảm 7,29% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, vay ngắn hạn là 612 tỷ đồng, giảm 16,92% so với năm 2023. Năm qua, Công ty tập trung thanh lý các khoản vay tài chính dài hạn, phải trả ngắn hạn cho người bán và thuê tài chính nhằm giảm bớt áp lực tài chính, tạo dựng uy tín đối với khách hàng và dần điều chỉnh lại hệ số đòn bẩy tài chính sao cho phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

### 3. Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Với mục tiêu ngày một công khai, tự động hóa và nâng cao hiệu quả một số công tác quản lý, tổ chức cán bộ, Công ty đã từng bước tìm hiểu, ứng dụng khoa học công nghệ và sử dụng các phần mềm nhằm cải thiện chất lượng và hiệu quả công việc của nhân viên góp phần làm giảm chi phí và tăng năng suất lao động.
- Thiết lập bộ máy nhân sự tinh gọn và hiệu quả, thường xuyên rà soát nguồn nhân lực, đảm bảo lựa chọn được nhân sự tốt trong quá trình phát triển của Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi sát sao hoạt động tại các Công ty con, nhà máy.
- Công tác tài chính linh hoạt, huy động vốn kịp thời đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động của Công ty. Nâng cấp phần mềm kế toán, công tác ghi chép sổ sách rõ ràng, minh bạch.

### 4. Kế hoạch phát triển:

Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp để tăng trưởng về doanh thu. Căn cứ diễn biến thị trường để quyết định sắp xếp các ngành nghề kinh doanh khác có lợi thế cạnh tranh và gia tăng hiệu quả. Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tạm ngưng kinh doanh một số mặt hàng và đề ra kế hoạch trong năm 2025 như sau:



- Kế hoạch Doanh thu hợp nhất: 610 tỷ đồng (tăng 561% so với thực hiện năm 2024)
- Kế hoạch Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 250 triệu đồng (tăng 103% so với thực hiện năm 2024)
- Kế hoạch Doanh thu Công ty mẹ: 600 tỷ đồng (tăng 563% so với thực hiện năm 2024)
- Kế hoạch Lợi nhuận Công ty mẹ trước thuế: 230 triệu đồng (tăng 103% so với thực hiện năm 2024)

Để đạt kế hoạch kinh doanh năm 2024, Ban lãnh đạo đã họp từng phòng ban tiếp nhận những ý kiến, kiến nghị và định hướng như sau:

❖ **Đối với vấn đề kinh doanh**

- Công ty tiếp tục hợp tác với các tập đoàn kinh tế lớn như Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (VIMC), Century Commodities Solution PTE.LTD (CCS) - Singapore, Công ty Vận Tải Việt Thuận, PT. Sumber Globle Enery (SGE) - Indonesia, Công ty TNHH Phát Triển Đầu Tư Thương Mại NHT, Công CP Đầu Tư Thương Mại HB để cung cấp than nhiệt cho (Nhà máy Nhiệt Điện Vĩnh Tân, Nhà máy Nhiệt Điện Duyên Hải, Nhà máy Nhiệt Điện Quảng Trạch 1) thuộc Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN), Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1 thuộc Tập Đoàn Công Nghiệp Năng Lượng Quốc Gia Việt Nam (PVN).
- Duy trì tốt quan hệ với khách hàng. Công ty tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm các đối tác có tiềm lực để liên doanh liên kết, nâng cao năng lực của doanh nghiệp nhằm mở rộng quy mô trên cơ sở hiệu quả và phát huy được những lợi thế, sở trường của Công ty.
- Công ty tiếp tục yêu cầu Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam bồi thường số tiền còn lại của Hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐMB ngày 28/03/2017. Phối hợp với các bộ phận khác để thông tin được thông suốt, kịp thời và đúng tiến độ thời gian thanh toán và thu hồi công nợ.



- Báo cáo, giao ban liên tục giữa Ban Tổng giám đốc và HĐQT để nhận được sự tham vấn chỉ đạo chiến lược kinh doanh theo từng thời điểm.
- Lên kế hoạch cắt giảm những mặt hàng kinh doanh không mang lại hiệu quả liên tục trong nhiều năm.
- Chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó với các tình huống có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục duy trì việc theo dõi sát sao diễn biến thị trường để có những quyết định kinh doanh hợp lý, hiệu quả.

#### ❖ Đối với vấn đề tài chính

- Xây dựng kế hoạch tài chính cho các hoạt động đầu tư, đấu thầu các dự án, phát triển sản xuất kinh doanh tránh lãng phí và thất thoát.
- Nâng cao quản lý công nợ, công tác tài chính tránh trường hợp không thanh toán kịp cho nhà cung cấp và đơn vị vận chuyển dẫn đến tình trạng khó khăn cho việc tiếp cận hàng giá rẻ, thuê tàu giá thấp làm giảm hiệu quả kinh doanh cũng như giảm mất uy tín với khách hàng.
- Xây dựng hạn mức tín dụng Ngân hàng đáp ứng nhu cầu kế hoạch kinh doanh của các Phòng ban.
- Xây dựng kiểm soát nội bộ có hiệu quả nhằm ngăn ngừa mọi rủi ro trong công tác kế toán, phối hợp kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị.
- Xây dựng hệ thống kế toán quản trị nhằm cung cấp cho Ban điều hành những thông tin kế toán kịp thời, phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

#### ❖ Đối với vấn đề quản trị nhân sự và tổ chức bộ máy

Sửa đổi mô hình tổ chức hoạt động, sắp xếp lại các phòng ban và nhân sự nhằm tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả công việc

Sát nhập các phòng ban Kinh doanh, giảm vị trí Quản lý cấp Giám đốc bộ phận, nhân sự gián tiếp cơ cấu lại bộ máy không dư thừa; hạn chế các chi phí giao tế, tiết giảm chi phí quản lý, điều chỉnh cắt giảm các phụ cấp chức vụ, chi phí đi lại...



## 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán trong Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán.

### – Giải trình ý kiến của Kiểm toán:

Đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng ngắn hạn, trả trước cho người bán ngắn hạn, phải thu tạm ứng, phải thu khác ngắn hạn, phải trả người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước ngắn hạn, phải trả khác ngắn hạn mà Công ty đang đánh giá khả năng thu hồi và xác định tổn thất đối với các khoản nợ phải thu này. Kinh tế khó khăn đã ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty DIC và các Công ty đối tác, các khoản phải thu ngắn hạn gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến tình hình phải trả của Công ty.

Đối với khoản hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp, khoản đầu tư vào Công ty CP Xi Măng YẾN MAO và khoản đầu tư góp vốn theo hợp đồng từ năm 2014 đến nay mà các bên chưa hoàn thành đang tạm ngưng sẽ được Công ty đối tác xem xét tình hình thực tế và thực hiện trong thời gian sắp tới.

Về vấn đề hàng tồn kho do tình hình kinh doanh của Công ty gặp khó khăn nên hàng tồn kho lâu ngày chậm luân chuyển.

### – Giải trình của Công ty:

Trước tình hình an ninh toàn cầu vẫn còn nhiều bất ổn, mức độ tăng trưởng nền kinh tế trong và ngoài nước vẫn chưa phục hồi, mặt hàng kinh doanh chính của Công ty: Clinker, sắt thép, than,... còn gặp rất nhiều khó khăn. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC lại là công ty đại chúng quy mô lớn, Báo cáo tài chính hợp nhất được tổng hợp từ báo cáo tài chính từ các công ty con, các chi nhánh, các nhà máy hạch toán phụ thuộc, và các đơn vị này nằm ở nhiều địa điểm khác nhau. Việc tập hợp số liệu phục vụ công tác lập báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được kiểm toán bị ảnh hưởng và kéo dài nên Công ty chưa cung cấp kịp thời và đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đúng thời hạn cho phía Công ty Kiểm toán.



Công ty đã làm đơn khởi kiện và gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để yêu cầu Tập Đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) thanh toán khoản công nợ này. Theo đơn khởi kiện thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC đã yêu cầu Tập Đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hoàn trả tổng số tiền 208.169.609.834 đồng. Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng tàu đã thông báo thụ lý vụ án tại văn bản số 11/2019 ngày 08/10/2019, triệu tập các bên tranh chấp để giải quyết lần 1 ngày 02/12/2019, lần 2 ngày 06/05/2020. Đến thời điểm hiện tại Công ty đã nhận được quyết định số 03/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24/07/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về việc xét xử sơ thẩm vụ kiện trên và hiện tại Tập Đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cũng đã thực hiện theo Quyết định của bản án.

### **1. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

Công ty đảm bảo quản lý nguồn nguyên vật liệu hiệu quả, tiêu thụ năng lượng, nước,... tiết kiệm. Công ty ý thức được tầm quan trọng của việc phát triển bền vững khi kết hợp hài hoà các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ thế giới xanh. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và nhà nước trong các vấn đề liên quan đến môi trường. Công ty luôn ý thức được việc sử dụng tiết kiệm năng lượng và đã có những hành động cụ thể để nghiêm túc thực hiện việc này trên phạm vi toàn Công ty. Công ty chủ yếu sử dụng năng lượng điện với mục đích vận hành máy móc, và mở đèn sáng trong Công ty. Để tiết kiệm năng lượng, Công ty tuyên truyền cho mọi người với ý thức giảm thiểu tiêu thụ điện năng không cần thiết bằng cách tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, rà soát và kiểm tra kỹ lưỡng các trang thiết bị điện, máy móc để bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo chúng hoạt động hiệu quả và ít tiêu hao năng lượng.



**PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm qua, Công ty đã nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nghĩa vụ của doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán, hoàn thành công tác công bố thông tin đến quý cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý.

Về kết quả sản xuất kinh doanh của DIC – Intraco trong năm tài chính 2024 gặp khá nhiều khó khăn do một số nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan tác động. Hội đồng Quản trị đã sát cánh cùng Ban Tổng Giám đốc nỗ lực đưa ra những giải pháp, phương án và chính sách bán hàng mới sao cho phù hợp với tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay. Kết quả kinh doanh của Công ty chưa đạt kế hoạch như Đại hội đồng cổ đông đề ra khi doanh thu thuần hợp nhất là 92,2 tỷ đồng đạt 7,4% so với kế hoạch đề ra, bằng 8,5% so với thực hiện năm 2023. Doanh thu thuần của Công ty mẹ 90,5 tỷ đồng đạt 7,3% so với kế hoạch, bằng 8,4% so với thực hiện cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận của Công ty mẹ lỗ 6,8 tỷ đồng. Lợi nhuận hợp nhất lỗ 7,8 tỷ đồng. Tổng giá trị tài sản là 1,127 tỷ đồng, đạt 91,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Hội đồng Quản trị ghi nhận sự đoàn kết và cố gắng của toàn bộ CB-CNV Công ty trong việc nỗ lực hoàn thành kế hoạch đặt ra trong điều kiện kinh tế khó khăn và khắc nghiệt như hiện nay.

**2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Hội đồng Quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và Bộ phận các phòng ban trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị đồng thời hoàn thành vai trò của mình thông qua việc theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty



trên tất cả các phương diện, đưa ra các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Các chủ trương và ý kiến của Hội đồng Quản trị đưa ra cũng được Ban Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với một tinh thần trách nhiệm cao. Mặc dù kết quả kinh doanh không như mong đợi nhưng nhìn chung với tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay, áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt, Hội đồng Quản trị vẫn đánh giá rất cao tinh thần trách nhiệm và sự nỗ lực không mệt mỏi của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc như sau:

- Theo dõi việc lập Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và hợp nhất QI/2024, QII/2024, QIII/2024, QIV/2024, Báo cáo soát xét 6 tháng và Báo cáo kiểm toán năm 2024.
- Chỉ đạo việc thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Chỉ đạo công tác kiện toàn, công tác quản trị tại văn phòng Công ty, các nhà máy và các công ty con.
- Định kỳ phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận liên quan đánh giá năng lực tài chính của một số khách hàng có nợ quá hạn và chỉ đạo triển khai các biện pháp thu hồi công nợ đối với các khách hàng này.
- Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024, từ đó đưa ra các kiến nghị khắc phục, đồng thời xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
- Sửa đổi mô hình tổ chức hoạt động, sắp xếp lại các phòng ban và nhân sự nhằm tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả công việc.



Hội đồng Quản trị tin rằng, với sự cố gắng và tâm huyết của Ban điều hành, sự nỗ lực của toàn bộ CB-CNV DIC-Intraco sẽ từng bước vượt qua những rào cản phía trước, dần ổn định lại thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, từng bước chinh phục các thị trường mới trong khu vực và quốc tế.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

- Đối với hoạt động sản xuất: Do tình hình bất động sản đóng băng, các nhà máy phải tạm dừng hoạt động. Ban điều hành phải bố trí nhân viên theo dõi giám sát, bảo quản tài sản thiết bị máy móc nhằm đảm bảo không bị thất thoát và hư hỏng
- Đối với hoạt động thương mại:
  - Phối hợp với các Công ty liên doanh, liên kết theo dõi tiến độ hoạt động, phấn đấu hoàn thành tới mức cao nhất kế hoạch đặt ra, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận nhằm mang lại kết quả kinh doanh cho Công ty hợp nhất.
  - Tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm các đối tác có tiềm lực để liên doanh liên kết, nâng cao năng lực của doanh nghiệp nhằm mở rộng quy mô trên cơ sở hiệu quả và phát huy được những lợi thế, sở trường của Công ty.



## PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng Quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Tên  | Chức vụ         | Trình độ chuyên môn | Chức vụ tại các tổ chức khác  | Ghi chú                                      |
|-----|--|-----------------|---------------------|---|--|
| 1.  | Ông Nguyễn Đức Hải<br><i>Tỷ lệ sở hữu CP: 4,60%</i>    | Chủ tịch HĐQT   | Cử nhân             | - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương Mại Vận Tải Minh Phong.<br>- Chủ tịch Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại BMC |  |
| 2.  | Ông Đinh Tiến Dũng<br><i>Tỷ lệ sở hữu CP: 0,39%</i>    | Thành viên HĐQT | Cử nhân             | Thành viên HĐQT VP Đại diện 562 Nguyễn Văn Cử Công ty CP Thương Mại NHT Global                                    |  |
| 3.  | Ông Nguyễn Văn Quuyến<br><i>Tỷ lệ sở hữu CP: 0,23%</i> | Thành viên HĐQT | Cử nhân             |   | Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT ngày 01/11/2023 |
| 4.  | Bà Lê Thị Thúy Nga<br><i>Tỷ lệ sở hữu CP: 1,38%</i>    | Thành viên HĐQT | Cử nhân             |   |  |
| 5.  | Ông Phạm Hữu Long<br><i>Tỷ lệ sở hữu CP: 0,12%</i>     | Thành viên HĐQT | Cử nhân             |   | Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT ngày 01/09/2023 |
| 6.  | Ông Bùi Thành Nhân                                     | Thành viên HĐQT |                     | Giám đốc Công ty TNHH Phát Triển Đầu Tư Thương Mại NHT  |  |



| STT | Tên   | Chức vụ         | Trình độ chuyên môn | Chức vụ tại các tổ chức khác                 | Ghi chú |
|-----|---|-----------------|---------------------|--|---------|
|     | Tỷ lệ sở hữu CP:<br>0,39%                           |                 |                     |  |         |
| 7.  | Ông Nguyễn Anh Kiệt<br>Tỷ lệ sở hữu CP:<br>0,06%    | Thành viên HĐQT | Thạc sĩ             |  |         |
| 8.  | Ông Hoàng Văn Thiệm<br>Tỷ lệ sở hữu CP:<br>0,00005% | Thành viên HĐQT | Cử nhân             | Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng Sản DIC |         |
| 9.  | Ông Vũ Tiến Việt<br>Tỷ lệ sở hữu CP:<br>4,79%       | Thành viên HĐQT | Cử nhân             | Giám đốc Công ty TNHH Đầu Tư Khoáng Sản BMC  |         |

**b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong niên độ tài chính 2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành 05 cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị như sau:

| STT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ       | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự                          |
|-----|----------------------|---------------|---------------------|-------|--|
| 1   | Ông Nguyễn Đức Hải   | Chủ tịch HĐQT | 05                  | 100%  |  |
| 2   | Ông Nguyễn Văn Quyến | Thành viên    | 0                   | 0%    | Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT ngày 01/11/2023 |
| 3   | Bà Lê Thị Thúy Nga   | Thành viên    | 05                  | 100%  |  |



|   |                     |            |    |      |  |
|---|---------------------|------------|----|------|--|
| 4 | Ông Phạm Hữu Long   | Thành viên | 0  | 100% | Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT ngày 01/09/2023 |
| 5 | Ông Bùi Thành Nhân  | Thành viên | 05 | 100% |  |
| 6 | Ông Đinh Tiến Dũng  | Thành viên | 05 | 100% |  |
| 7 | Ông Nguyễn Anh Kiệt | Thành viên | 02 | 40%  | Bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 02/08/2024     |
| 8 | Ông Hoàng Văn Thiệm | Thành viên | 02 | 40%  | Bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 02/08/2024     |
| 9 | Ông Vũ Tiến Việt    | Thành viên | 02 | 40%  | Bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 02/08/2024     |

#### d. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc

- + Theo dõi việc lập Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và hợp nhất QI/2024, QII/2024, QIII/2024, QIV/2024, Báo cáo soát xét 6 tháng và Báo cáo kiểm toán năm 2024.
- + Chỉ đạo việc thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- + Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
- + Chỉ đạo công tác kiện toàn, công tác quản trị tại văn phòng Công ty, các nhà máy và các công ty con.
- + Định kỳ phối hợp cùng Ban Giám đốc, các bộ phận liên quan đánh giá năng lực tài chính của một số khách hàng có nợ quá hạn và chỉ đạo triển khai các biện pháp thu hồi công nợ đối với các khách hàng này.



- + Yêu cầu Ban Giám đốc phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024, từ đó đưa ra các kiến nghị khắc phục, đồng thời xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
- + Sửa đổi mô hình tổ chức hoạt động, sắp xếp lại các phòng ban và nhân sự nhằm tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả công việc.

**Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị:**

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định     | Ngày       | Nội dung   |
|-----|-------------------------------|------------|--|
| 1   | 02-2024/NQHĐQT.DIC-INTRACO    | 17/05/2024 | Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương Mại DIC<br>(Về việc: Thông qua bổ nhiệm chức vụ Người phụ trách Quản trị Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại DIC) |
| 2   | 03.01-2024/NQHĐQT.DIC-INTRACO | 18/06/2024 | Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương Mại DIC<br>(Về việc: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)  |

**e. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành**

Trong năm 2024, các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng Quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chủ trương, định hướng đã đề ra của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT.

**2. Ban kiểm soát:****a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**



| STT | Thành viên HĐQT                                    | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|--|------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1   | Bà Phan Thùy Trâm<br><i>Tỷ lệ sở hữu CP: 0%</i>    | Trưởng BKS | 04                  | 100%  |                     |
| 2   | Bà Đặng Thị Kim Châu<br><i>Tỷ lệ sở hữu CP: 0%</i> | Thành viên | 04                  | 100%  |                     |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Diệp<br><i>Tỷ lệ sở hữu CP: 0%</i>   | Thành viên | 04                  | 100%  |                     |

### b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban kiểm soát của DIC Intraco đã chủ động kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty. Các hoạt động chính của BKS trong năm 2024 gồm có:

- Định kỳ thực hiện công tác kiểm soát trực tiếp tại đơn vị về thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát tính phù hợp về thẩm quyền ra quyết định của Hội đồng quản trị, ban điều hành;
- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Trình HĐQT lựa chọn đơn vị tư vấn kiểm toán theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

### c. Thẩm định của Ban kiểm soát năm 2024

#### ❖ Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Do tình hình kinh tế xã hội năm 2024 vẫn còn nhiều khó khăn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro. Năm 2024 trước những biến động của nền kinh tế thế giới, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty nói riêng và trên cả nước nói chung. Nhìn chung, trong năm 2024 Công ty chưa hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.



### ❖ Thẩm định tình hình tài chính của Công ty

Trong năm 2024 với những khó khăn của ngành trong năm, hoạt động kinh doanh của công ty có nhiều biến động, do tác động của việc thu hồi công nợ, các dự án đầu tư đều không hiệu quả dẫn tới đơn vị thiếu vốn hoạt động

Áp lực trả nợ gốc và lãi vay hàng tháng là rất lớn, hoạt động SXKD của công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay. Vốn chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2024 là -60 tỷ đồng. Trong đó vốn điều lệ của công ty mẹ là 266 tỷ đồng.

### d. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Cổ đông.

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng Giám đốc trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên.

Hội đồng quản trị mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hầu hết các tài liệu như biên bản họp Hội đồng quản trị, Nghị quyết các tài liệu, báo cáo, tờ trình của Ban Tổng Giám đốc khi gửi xin ý kiến Hội đồng quản trị đồng thời gửi cho Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát được nhận tài liệu các cuộc họp triển khai, sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

### e. Phương hướng hoạt động năm 2025.

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.





Giám sát việc chấp hành Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Thẩm định báo cáo tài chính năm của Công ty. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

#### a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát được hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành của Công ty. Trong đó, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát nằm trong quỹ tiền lương chung của Công ty và được trả theo vị trí, chức danh công việc gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Năm 2024, thù lao thực tế của HĐQT và Ban Kiểm soát đảm bảo theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn

| STT | Tổ chức/<br>Người<br>thực hiện<br>giao dịch | Quan hệ<br>với cổ<br>đông nội<br>bộ/ cổ<br>đông lớn | Số cổ phiếu sở<br>hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng,<br>giảm (mua,<br>bán, chuyển<br>đổi,<br>thưởng...) |
|-----|---|---|------------------------------|-------|-------------------------------|-------|--|
|     |   |   | Số cổ<br>phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ<br>phiếu                | Tỷ lệ |  |
| 1.  | Nguyễn<br>Thanh<br>Sơn                      | Cổ đông<br>lớn                                      | 1.270.000                    | 4,87% | 1.318.900                     | 5,06% | Mua cổ phiếu   |
| 2.  | Nguyễn<br>Thanh<br>Sơn                      | Cổ đông<br>lớn                                      | 1.500.000                    | 5,75% | 1.709.700                     | 6,55% | Mua cổ phiếu   |

#### c. Hợp đồng/ Giao dịch với người nội bộ.

- ❖ **Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm**



quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó.

Trong năm 2024, Công ty có giao dịch với các bên liên quan, các giao dịch này đã được chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán tại ngày 31/12/2024 và được Công bố thông tin tại website Công ty, cụ thể như sau:

| STT | Tên tổ chức                       | Mối quan hệ với Công ty | Nội dung giao dịch, Giá trị  |
|-----|-----------------------------------|-------------------------|--|
| 1   | Công ty TNHH SX TM BMC            | Bên liên quan           | Thu tiền mượn: 9.428.000.000 đồng<br>Cho mượn: 30.834.000.000 đồng |
| 2   | Công ty TNHH Đầu Tư Khoán Sản BMC | Bên liên quan           | Mượn tiền: 66.482.576.017 đồng<br>Trả tiền: 77.071.097.216 đồng    |
| 3   | Ông Bùi Thành Nhân                | Bên liên quan           | Thu tiền cho mượn: 3.000.000.000 đồng                              |

❖ **Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:** Tương tự nội dung phần c nêu trên.

#### **d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Nâng cao vai trò và đẩy mạnh hoạt động CNTT trở thành trụ cột đột phá để hoàn thành Chiến lược phát triển kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số.

Kiện toàn mô hình tổ chức và nhân sự, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiếp tục triển khai các biện pháp quản lý chi phí.



## PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC  
82 Trần Huy Liệu, P.15, Q.Phủ Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính 2024 kết thúc tại ngày 31/12/2024

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          | <b>100</b> |             | <b>968.189.283.053</b> | <b>1.053.487.015.976</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>1.252.523.077</b>   | <b>1.294.438.766</b>     |
| 1. Tiền   | 111        | V.1         | 1.252.523.077          | 1.294.438.766            |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>                 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                        |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                        |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                      | -                        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>773.588.551.315</b> | <b>859.189.621.839</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 300.473.185.030        | 410.995.702.015          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3         | 269.095.406.007        | 263.951.289.291          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                        |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        | V.5         | 17.000.000.000         | 17.000.000.000           |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.6         | 216.746.680.976        | 196.969.353.291          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.7         | (29.726.720.698)       | (29.726.720.698)         |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> | <b>V.8</b>  | <b>168.898.222.117</b> | <b>168.898.222.117</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.8         | 168.898.222.117        | 168.898.222.117          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>24.449.986.544</b>  | <b>24.104.731.254</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.10        | 3.901.150.239          | 4.122.745.072            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                          | 152        |             | 20.445.344.050         | 19.878.493.197           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.15        | 103.492.255            | 103.492.255              |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                        |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                        |



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>159.264.073.589</b>   | <b>175.497.964.954</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>210</b> |             | <b>9.300.000</b>         | <b>9.300.000</b>         |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng             | 211        |             | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn             | 212        |             | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc          | 213        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                     | 214        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                 | 215        |             | -                        | -                        |
| 6. Phải thu dài hạn khác                       | 216        | V.6         | 9.300.000                | 9.300.000                |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi           | 219        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>73.393.367.819</b>    | <b>89.469.046.680</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | V.11        | 73.393.367.819           | 89.469.046.680           |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 274.581.614.970          | 274.581.614.970          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (201.188.247.151)        | (185.112.568.290)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính              | 224        |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                   | 225        |             | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 226        |             | -                        | -                        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                     | 227        |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                   | 228        |             | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | -                        | -                        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>230</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| - Nguyên giá                                   | 231        |             | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 232        |             | -                        | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>             | <b>240</b> | <b>V.9</b>  | <b>3.055.535.666</b>     | <b>3.055.535.666</b>     |
| 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn                | 241        |             | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242        |             | 3.055.535.666            | 3.055.535.666            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>             | <b>250</b> | <b>V.4</b>  | <b>68.145.933.590</b>    | <b>68.145.933.590</b>    |
| 1. Đầu tư vào công ty con                      | 251        |             | -                        | -                        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết     | 252        |             | 36.423.233.590           | 36.423.233.590           |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác              | 253        |             | 31.722.700.000           | 31.722.700.000           |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn           | 254        |             | -                        | -                        |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn             | 255        |             | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>14.659.936.514</b>    | <b>14.818.149.018</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | V.10        | 12.985.650.479           | 13.143.862.983           |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại              | 262        |             | 1.674.286.035            | 1.674.286.035            |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263        |             | -                        | -                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                        | 268        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>         | <b>270</b> |             | <b>1.127.453.356.642</b> | <b>1.228.984.980.930</b> |



Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC  
82 Trần Hưng Liệu, P.15, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính 2024 kết thúc tại ngày 31/12/2024

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                               | <b>300</b> |             | <b>1.191.171.214.837</b> | <b>1.284.829.553.535</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>1.191.171.214.837</b> | <b>1.284.829.553.535</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13        | 98.358.532.189           | 115.595.058.622          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.14        | 45.781.911.750           | 48.041.940.308           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.15        | 7.296.429.924            | 6.972.340.811            |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 1.407.706.735            | 1.754.595.312            |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.16        | 372.735.329.999          | 306.428.086.860          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                        | -                        |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                        | -                        |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                        | -                        |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.17        | 53.558.105.677           | 69.405.615.006           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.12        | 612.011.298.563          | 736.610.016.616          |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                        | -                        |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | 21.900.000               | 21.900.000               |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                        | -                        |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                        | -                        |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                        | -                        |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                        | -                        |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                        | -                        |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                        | -                        |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                        | -                        |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                        | -                        |
| 10. Cổ phiếu tra đổi                                | 340        |             | -                        | -                        |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                        | -                        |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                        | -                        |
| 13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ              | 343        |             | -                        | -                        |



Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC  
82 Trần Huy Liệu, P15, Q.Phủ Nhuân, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính 2024 kết thúc tại ngày 31/12/2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

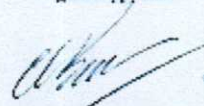
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                        | <b>400</b> |             | <b>(63.717.858.195)</b>  | <b>(55.844.572.605)</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.18</b> | <b>(63.717.858.195)</b>  | <b>(55.844.572.605)</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 265.858.400.000          | 265.858.400.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 265.858.400.000          | 265.858.400.000          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | 1.397.230.362            | 1.397.230.362            |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | (3.694.761.833)          | (3.694.761.833)          |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 4.377.229.506            | 4.377.229.506            |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                        | -                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | (333.254.906.039)        | (325.705.352.434)        |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | (325.705.352.434)        | (326.292.630.396)        |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | (7.549.553.605)          | 587.277.962              |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB                       | 422        |             | -                        | -                        |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        |             | 1.598.949.809            | 1.922.681.794            |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ            | 432        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>        | <b>440</b> |             | <b>1.127.453.356.642</b> | <b>1.228.984.980.930</b> |

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Bùi Phan Quỳnh Bảo



Nguyễn Anh Kiệt

Lập ngày 31 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Hải



Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC  
82 Trần Huy Liệu, P15, Q.Phủ Nhuân, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính 2024 kết thúc tại ngày 31/12/2024

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu  | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước         |
|---|-------|-------------|-----------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                           | 01    | VI.1        | 92.248.166.378  | 1.083.381.046.778 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                     | 02    |             | -               | -                 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)       | 10    |             | 92.248.166.378  | 1.083.381.046.778 |
| 4. Giá vốn hàng bán   | 11    | VI.2        | -               | 991.566.085.031   |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)         | 20    |             | 92.248.166.378  | 91.814.961.745    |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                    | 21    | VI.3        | 110.746.781     | 22.726.777        |
| 7. Chi phí tài chính  | 22    | VI.4        | 66.360.379.139  | 67.867.797.243    |
| - Trong đó: chi phí lãi vay   | 23    |             | 66.360.379.139  | 67.867.797.243    |
| 8. Chi phí bán hàng   | 25    | VI.7        | 2.180.675.011   | 1.258.810.746     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                     | 26    | VI.7        | 33.347.010.706  | 22.091.535.960    |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-(21-22)-(25+26)) | 30    |             | (9.529.151.697) | 619.544.574       |
| 11. Thu nhập khác   | 31    | VI.5        | 2.898.778.137   | 150.538.000       |
| 12. Chi phí khác  | 32    | VI.6        | 1.242.912.030   | 547.013.500       |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                       | 40    |             | 1.655.866.107   | (396.475.500)     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)                    | 50    |             | (7.873.285.590) | 223.069.074       |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                                     | 51    |             | -               | -                 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                      | 52    |             | -               | -                 |
| 17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)                   | 60    |             | (7.873.285.590) | 223.069.074       |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ                   | 61    |             | (7.549.553.605) | 587.277.962       |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                  | 62    |             | (323.731.985)   | (364.208.888)     |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 70    | VI.10       | (296)           | 8                 |
| 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                                      | 71    | VI.11       | (296)           | 8                 |

Người lập biểu

Bùi Phan Quỳnh Bảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Kiệt

Lập báo cáo tài chính 02 năm 2025

Tổng Giám đốc

CÔNG TY  
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ THƯƠNG MẠI  
DIC  
Nguyễn Đức Hải



Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC  
82 Trần Huy Liệu, P15, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính 2024 kết thúc tại ngày 31/12/2024

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước            |
|---|-----------|-------------|------------------------|----------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>   |           |             |                        | <b>62979,6</b>       |
| 1. Lợi nhuận trước thuế   | 01        |             | (7.873.285.590)        | 223.069.074          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản   |           |             |                        |                      |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT  | 02        |             | 16.075.678.861         | 16.163.994.711       |
| - Các khoản dự phòng  | 03        |             | -                      | 2.301.390.972        |
| - (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                      | -                    |
| - (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |             | (695.521)              | (20.392.777)         |
| - Chi phí lãi vay   | 06        |             | 66.360.379.139         | 67.867.797.242       |
| - Các khoản điều chỉnh khác   | 07        |             | -                      | -                    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                            | 08        |             | 74.562.076.889         | 86.535.859.225       |
| - (Tăng)/giảm các khoản phải thu  | 09        |             | 85.034.221.871         | (120.732.798.480)    |
| - (Tăng)/giảm hàng tồn kho  | 10        |             | -                      | -                    |
| - (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)            | 11        |             | (35.419.999.784)       | 41.524.318.033       |
| - (Tăng)/giảm chi phí trả trước   | 12        |             | 379.807.867            | 448.899.597          |
| - (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                      | -                    |
| - Tiền lãi vay đã trả   | 14        |             | -                      | -                    |
| - Thuế TNDN đã nộp  | 15        |             | -                      | -                    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh   | 16        |             | -                      | -                    |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  | 17        |             | -                      | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  | <b>20</b> |             | <b>124.556.106.843</b> | <b>7.776.278.375</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>  |           |             |                        |                      |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                           | 21        |             | -                      | -                    |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                        | 22        |             | -                      | 16.000.000           |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị  | 23        |             | -                      | -                    |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                             | 24        |             | -                      | -                    |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 25        |             | -                      | -                    |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 26        |             | -                      | -                    |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                      | 27        |             | 695.521                | 4.392.777            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>  | <b>30</b> |             | <b>695.521</b>         | <b>20.392.777</b>    |



Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC  
82 Trần Huy Liệu, P15, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính 2024 kết thúc tại ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước              |
|--|-----------|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                          |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                        | -                      |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                        | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | -                        | -                      |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | (124.598.718.053)        | (7.600.000.000)        |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính  | 35        |             | -                        | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                        | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(124.598.718.053)</b> | <b>(7.600.000.000)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>                                       | <b>50</b> |             | <b>(41.915.689)</b>      | <b>196.671.152</b>     |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>1.294.438.766</b>     | <b>1.097.767.614</b>   |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>                             | <b>61</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>               |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>                                     | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>1.252.523.077</b>     | <b>1.294.438.766</b>   |

Người lập biểu

Bùi Phan Quỳnh Bào

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Kiệt

Lưu: Ngày 24 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN ĐỨC HẢI

**Nơi nhận:**

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Lưu: VT.

